|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN** **TỈNH TRÀ VINH**Số: 3157/QĐ-UBND |  **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Trà Vinh, ngày 31 tháng 12 năm 2021* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của**

**Quỹ Đầu tư phát triển Trà Vinh giai đoạn 2022 - 2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;*

*Căn cứ Thông tư số 86/2021/TT-BTC ngày 06/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;*

*Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh thông qua danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển Trà Vinh giai đoạn 2022 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 580/QĐ-UBND ngày 20/4/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Quỹ Đầu tư phát triển Trà Vinh;*

*Căn cứ Quyết định số 1462/QĐ-UBND ngày 28/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển Trà Vinh;*

*Theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển Trà Vinh tại Tờ trình số 63/TTr-HĐQL ngày 24/12/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển Trà Vinh giai đoạn 2022 - 2025, cụ thể như sau:

| **STT** | **LĨNH VỰC ĐẦU TƯ, CHO VAY** |
| --- | --- |
| **I** | **Giao thông, năng lượng, môi trường** |
| 1 | Đầu tư, phát triển bến tàu thủy nội địa |
| 2 | Đầu tư, phát triển lưới điện trung thế, hạ thế |
| 3 | Đầu tư, phát triển hệ thống xử lý nước thải, rác thải, khí thải |
| 4 | Đầu tư, phát triển hệ thống xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải, sản xuất các sản phẩm thân thiện với môi trường |
| 5 | Đầu tư, phát triển hệ thống phương tiện chuyên dùng phục vụ lĩnh vực môi trường |
| **II** | **Công nghiệp** |
| 1 | Đầu tư các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp |
| 2 | Đầu tư, phát triển công nghiệp chế biến, công nghiệp chế tạo, công nghiệp phụ trợ, công nghiệp ven biển |
| **III** | **Nông nghiệp, ngư nghiệp** |
| 1 | Đầu tư, phát triển hệ thống công trình thủy lợi, các công trình thích ứng biến đổi khí hậu |
| 2 | Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các dự án phục vụ sản xuất, phát triển nông thôn, nông nghiệp, ngư nghiệp |
| 3 | Đầu tư các dự án xây dựng, phát triển nông nghiệp áp dụng quy trình sản xuất VietGAP, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao |
| **IV** | **Văn hóa - xã hội** |
| 1 | Giáo dục |
| 1.1 | Đầu tư, phát triển trường học |
| 2 | Y tế |
| 2.1 | Đầu tư, phát triển bệnh viện, phòng khám đa khoa và chuyên khoa |
| 2.2 | Đầu tư, phát triển y tế dự phòng |
| 3 | Văn hóa, du lịch |
| 3.1 | Đầu tư xây dựng, cải tạo khu di tích lịch sử - văn hóa |
| 3.2 | Đầu tư, phát triển du lịch biển (du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng,…) |
| **V** | **Nhà ở** |
| 1 | Đầu tư, phát triển nhà ở xã hội, nhà ở có lồng ghép nhà ở cho đối tượng xã hội, cho người có thu nhập thấp với nhà ở thương mại |
| 2 | Đầu tư, phát triển khu dân cư, khu đô thị, khu tái định cư |
| **VI** | **Các lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa** |
| 1 | Đầu tư chỉnh trang đô thị |
| 2 | Đầu tư xây dựng, mở rộng chợ |
| 3 | Đầu tư, phát triển cơ sở đào tạo nghề |
| 4 | Đầu tư xây dựng, cải tạo các công trình phục vụ thể dục thể thao |
| 5 | Đầu tư, phát triển khu vui chơi giải trí |
| 6 | Đầu tư, phát triển Viện/Trung tâm/cơ sở chăm sóc người cao tuổi/dưỡng lão |
| **VII** | **Các lĩnh vực ưu tiên phát triển khác** |
| 1 | Đầu tư, phát triển hệ thống cấp nước sạch, thoát nước |
| 2 | Đầu tư, phát triển khu dịch vụ công nghiệp |
| 3 | Đầu tư kết cấu hạ tầng trên đất để đấu giá quyền sử dụng đất |
| 4 | Đầu tư xây dựng tạo lập và phát triển quỹ nhà, đất tái định cư |

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 807/QĐ-UBND ngày 17/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khác do Quỹ Đầu tư phát triển Trà Vinh xem xét thực hiện đầu tư trực tiếp hoặc cho vay đầu tư.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển Trà Vinh, Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển Trà Vinh, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****CHỦ TỊCH****Lê Văn Hẳn** |